

Số: 2412 /QĐ-UBND

Tiểu Cần, ngày 28 tháng 9 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng
xã Tân Hùng, huyện Tiểu Cần**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/05/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 và Quyết định số 1760/QĐ-TTg ngày 10/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020”;

Căn cứ Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020;

Căn cứ Quyết định số 193/QĐ-TTg ngày 02/02/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chương trình rà soát lập quy hoạch xây dựng nông thôn mới;

Căn cứ Thông tư số 31/2009/TT-BXD ngày 10/9/2009 của Bộ trưởng Bộ xây dựng về việc ban hành Tiêu chuẩn Quy hoạch xây dựng nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 32/2009/TT-BXD ngày 10/9/2009 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 69/QĐ-BNN-VPĐP ngày 09/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Sổ tay hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 01/03/2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 1362/QĐ-UBND ngày 31/7/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch xây dựng vùng huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh đến năm 2030;

Căn cứ công văn số 484/SXD -QH&KT ngày 08/05/2018 của Giám Đốc Sở xây dựng tỉnh Trà Vinh về việc hướng dẫn lập quy hoạch chung xây dựng xã theo thông tư số 02/2017/TT-BXD của Bộ xây dựng;

Căn cứ Công văn số 1053/SXD-QHKT&PTĐT ngày 19/9/2018 của Sở Xây dựng tỉnh Trà Vinh về việc đóng góp ý kiến nội dung đồ án quy hoạch chung xây dựng các xã thuộc huyện Tiểu Cần;

Căn cứ Công văn số 986/UBND-KTTH ngày 08/5/2018 của Ủy ban nhân dân huyện Tiểu Cần về việc điều chỉnh quy hoạch nông thôn mới đối với các xã trên địa bàn huyện;

Căn cứ Quyết định số 2674/QĐ-UBND ngày 30/06/2013 của Ủy ban nhân dân huyện Tiểu Cần về việc phê duyệt đồ án quy hoạch quy hoạch nông thôn mới xã Tân Hùng, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh;

Căn cứ quyết định số 1348/QĐ-UBND ngày 19/6/2018 của UBND Ủy ban nhân dân huyện Tiểu Cần về việc phê duyệt Nhiệm vụ đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Tân Hùng, huyện Tiểu Cần;

Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-HĐND, ngày 23/07/2018 của HĐND xã Tân Hùng về việc thông qua đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Tân Hùng, huyện Tiểu Cần;

Xét Tờ trình số 145/TTr-KTHT ngày 27/9/2018 của Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Tiểu Cần về việc xin phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Tân Hùng, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Tân Hùng, huyện Tiểu Cần, với các nội dung chính như sau:

1. Phạm vi, ranh giới lập quy hoạch:

Khu vực lập điều chỉnh quy hoạch gồm toàn bộ ranh giới hành chính địa bàn xã Tân Hùng, diện tích 2.001,27 ha với vị trí địa lý như sau:

- Phía Đông : giáp xã Ngãi Hùng;
- Phía Tây : giáp xã Tân Hòa;
- Phía Nam : giáp xã Hùng Hòa và một phần xã Tập Sơn huyện Trà Cú;
- Phía Bắc : giáp thị trấn Tiểu Cần và một phần xã Tập Ngãi.

2. Mục tiêu, tính chất, chức năng của đồ án:

2.1. Mục tiêu:

- Cụ thể hóa định hướng phát triển kinh tế xã hội xã Tân Hùng.
- Làm cơ sở pháp lý cho việc lập đề án, lập quy hoạch chi tiết, lập dự án đầu tư xây dựng.

- Định hướng sản xuất, hình thức tổ chức sản xuất, hệ thống công trình công cộng, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng phục vụ sản xuất cho toàn xã.

2.2. Tính chất, chức năng, kinh tế chủ đạo:

- Là khu quy hoạch mới kết hợp với chỉnh trang khu dân cư hiện hữu và định hình các điểm dân mới.

- Đối với Khu trung tâm: chức năng chính của khu quy hoạch là trung tâm hành chính, kinh tế, văn hóa của xã với hệ thống hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật đồng bộ. Ngoài ra, trong khu quy hoạch còn có các khu dân cư, khu công viên cây xanh, TDTT, khu công trình dịch vụ công cộng khác....

- Đối với các điểm dân cư nông thôn: chức năng chính là khu dân cư với hệ thống hạ tầng đồng bộ.

- Kinh tế chủ yếu phát triển sản xuất nông nghiệp với các mô hình sản xuất, trồng trọt, mô hình chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản; Phát triển các loại hình tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ phục vụ cho nông nghiệp và nhu cầu đời sống xã hội.

3. Quy mô và cơ cấu dân số, lao động của xã:

- Hiện trạng dân số (theo số liệu thống kê năm 2017 của Chi cục thống kê huyện Tiểu Cần): 8.844 người.

- Dân số dự kiến đến năm 2020 khoảng 8.900 người;

- Dân số dự kiến đến năm 2030 khoảng 12.000 người;

4. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật:

Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật của đồ án đảm bảo các quy định trong các QCXDVN hiện hành, cụ thể:

4.1. Các chỉ tiêu quy hoạch – kiến trúc:

STT	Loại đất	Đơn vị tính	Chỉ tiêu
1	Đất ở nông thôn	m ² /người	≥ 100
1.1	Đất xây dựng nhà ở		≥ 75
1.2	Đất vườn ao		≥ 25
2	Đất công trình công cộng		≥ 5
3	Đất cây xanh -TDTT		≥ 2
4	Đất giao thông và hạ tầng kỹ thuật		≥ 5

4.2. Các chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật:

STT	Chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật	Đơn vị tính	Chỉ tiêu
1	Chỉ tiêu cấp điện:	kWh/hộ/năm.	1000÷1600
2	Chỉ tiêu cấp nước:	lít/người.ngày đêm	80
3	Chỉ tiêu thoát nước:	% lưu lượng nước cấp	80
4	Rác thải	kg/người.ngày đêm	0,8

5. Cơ cấu phân khu chức năng, tổ chức không gian tổng thể xã:

5.1. Cơ cấu phân khu chức năng

- Là địa bàn xã thuần nông ít bị ảnh hưởng bởi quá trình đô thị hóa, thuận lợi cho việc phát triển các loại hình công nghiệp khai thác dịch vụ du lịch sinh thái, khu dân cư hiện hữu kết hợp tiểu thủ công nghiệp.

- Định hướng quy hoạch tổng thể toàn xã Tân Hùng gồm: 01 trung tâm xã và 09 điểm dân cư tập trung theo tuyến giao thông.

- Cơ cấu các điểm dân cư nông thôn như sau:

TT	Điểm dân cư	Đến 2030		Vị trí
		Diện tích đất xây dựng (ha)	Dân số (người)	
1	Trung tâm xã	19,00	1.100	ấp Chợ
2	Điểm dân cư tập trung số 1	14,95	600	ấp Chợ
3	Điểm dân cư tập trung số 2	25,17	1.200	ấp Nhứt
4	Điểm dân cư tập trung số 3	27,91	1.200	ấp Nhì
5	Điểm dân cư tập trung số 4	38,40	1.200	ấp Trung Tiến
6	Điểm dân cư tập trung số 5	21,86	1.000	ấp Trà Mềm
7	Điểm dân cư tập trung số 6	32,23	1.500	ấp Te Te 2
8	Điểm dân cư tập trung số 7	42,43	1.300	ấp Te Te 1
9	Điểm dân cư tập trung số 8	27,00	850	ấp Phụng Sa
10	Điểm dân cư tập trung số 9	20,79	900	ấp Sáu
	Dân cư rải rác	50,00	1.150	
	Tổng cộng	319,74	12.000	

Tổ chức không gian chức năng các điểm dân cư như sau:

- **Điểm dân trung tâm xã:** với quy mô 19 ha và dân số khoảng 1.100 người là khu dân cư tập trung nằm trên quốc lộ 54, kết hợp với khu trung tâm công cộng dịch vụ xã (các trường trung học cơ sở, trường tiểu học, trường mầm non, trạm y tế, khu trung tâm hành chính xã, khu dịch vụ, khu nhà văn hóa, thư viện, khu cây xanh sử dụng công cộng. Các khu dân cư nông thôn khác bao gồm:

- **Điểm dân cư số 1:** thuộc ấp Chợ, bố trí dọc theo các tuyến đường quốc lộ 54, nằm gần khu trung tâm xã. Quy mô đất xây dựng khu dân cư khoảng 14,95 ha, quy mô dân số 600 người.

- **Điểm dân cư số 2:** thuộc ấp Nhứt, bố trí dọc đường giao thông kết nối trung tâm xã. Quy mô đất xây dựng khu dân cư khoảng 25,17 ha, quy mô dân số 1.200 người.

- **Điểm dân cư số 3:** thuộc ấp Nhì, bố trí dọc đường giao thông kết nối trung tâm xã và quốc lộ 60 dự kiến. Quy mô đất xây dựng khu dân cư khoảng 27,91 ha, quy mô dân số 1.200 người.

- **Điểm dân cư số 4:** thuộc ấp Trung Tiến, bố trí dọc đường giao thông kết nối trung tâm xã kết nối huyện lộ 38. Quy mô đất xây dựng khu dân cư khoảng 38,40 ha, quy mô dân số 1.200 người.

- **Điểm dân cư số 5:** thuộc ấp Trà Mềm, bố trí dọc đường huyện lộ 38 và ven sông Trà Mềm. Quy mô đất xây dựng khu dân cư khoảng 21,86 ha, quy mô dân số 1.000 người.

- **Điểm dân cư số 6:** thuộc ấp Te Te 2, bố trí dọc đường huyện lộ 38 và ven sông Te Te. Quy mô đất xây dựng khu dân cư khoảng 32,23 ha, quy mô dân số 1.500 người.

- **Điểm dân cư số 7:** thuộc ấp Te Te 1, bố trí dọc đường huyện lộ 38, quốc lộ 60 dự kiến và ven sông Te Te. Quy mô đất xây dựng khu dân cư khoảng 42,43 ha, quy mô dân số 1.300 người.

- **Điểm dân cư số 8:** thuộc ấp Phụng Sa, bố trí dọc đường quốc lộ 60 dự kiến và đường bê tông hiện trạng. Quy mô đất xây dựng khu dân cư khoảng 27,00 ha, quy mô dân số 850 người.

- **Điểm dân cư số 9:** thuộc ấp Sáu, bố trí dọc theo tuyến đường hương lộ 26. Quy mô đất xây dựng khu dân cư khoảng 6,16 ha, quy mô dân số khoảng 900 người.

- Ngoài các điểm dân cư tập trung, còn dân cư rải rác sống ở các vườn cây lâu năm và ruộng đồng khoảng 1.150 người với 50,00 ha đất ở.

5.2 Định hướng tổ chức không gian toàn xã:

a. Tổ chức không gian tổng thể:

- Tổng thể không gian xã Tân Hùng được tổ chức có hệ thống, giúp đáp ứng được nhu cầu tối ưu hóa các diện tích sử dụng thông qua việc bố trí hợp lý không gian trung tâm, không gian các khu dân cư và không gian sản xuất.

+ Đối với không gian trung tâm phải đáp ứng tốt nhất nhu cầu quản lý và ổn định khu vực, là nơi tập trung các công trình công cộng, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật phục vụ hoạt động sản xuất của người dân.

+ Đối với không gian các khu dân cư cần tạo được sự hài hòa giữa khu dân cư hiện hữu và khu dân cư phát triển xây dựng mới.

+ Đối với không gian sản xuất, việc quy hoạch sẽ phân chia các chức năng của loại đất để có kế hoạch canh tác, trồng trọt hợp lý, cho năng suất cao nhất.

b. Tổ chức không gian các khu chức năng công cộng, dịch vụ:

- Khu trung tâm hành chính xã đã được đầu tư xây dựng hoàn chỉnh, tại vị trí trung tâm xã hiện hữu, khu vực giáp thị trấn Tiểu Cần.

- Trạm y tế nằm gần quốc lộ 54, nâng cấp từ trạm y tế hiện hữu.

- Nhà văn hóa xã chỉnh trang và mở rộng tại vị ấp Chợ đối diện UBND xã hiện hữu với quy mô 0,2 ha.

- Phòng truyền thống, trưng bày, thư viện (kết hợp với trung tâm văn hóa): khoảng 400 m² thuộc điểm dân cư trung tâm xã.

- Hệ thống các công trình giáo dục:

+ Sẽ nâng cấp mở rộng từ 02 điểm trường mẫu giáo hiện hữu và giữ nguyên cải tạo 01 trường mẫu giáo hiện hữu và xây thêm 2 trường mẫu giáo với tổng diện tích 0,77 ha.

+ Căn cứ theo điều kiện phân bố dân cư, khả năng đi lại và quỹ đất khu trung tâm hiện hữu, xã Tân Hùng sẽ có 02 điểm trường trung học cơ sở gồm một điểm trường hiện hữu và một điểm trường xây mới với tổng diện tích 0,87 ha.

c. Tổ chức không gian trung tâm:

- Trung tâm chính của xã được bố trí ngay tại vị trí trụ sở hành chính xã hiện hữu kết hợp là bổ sung các chức năng còn thiếu nhằm hoàn thiện khả năng phục vụ cho toàn xã.

- Trung tâm của các điểm dân cư, tại đó sẽ bố trí các chức năng như: trường học, nhà trẻ, ban nhân dân ấp, sân tập luyện thể thao... Các chức năng được bố trí tập trung để tạo cảnh quan, xây dựng hạ tầng kỹ thuật đồng bộ nhằm đảm bảo khả năng tiếp cận và bán kính phục vụ nhu cầu thiết yếu.

d. Tổ chức không gian các khu dân cư:

- Khu dân cư hiện hữu phân bố theo các tuyến đường quốc lộ, tỉnh lộ, hương lộ.

- Các khu dân cư xây dựng mới được bố trí xen cài với khu dân cư hiện hữu. Hình thức không gian nhà ở dạng nhà vườn, diện tích mỗi hộ khoảng 400 m² – 800 m² được bố trí các chức năng phù hợp (kết hợp đất ở và sản xuất nông nghiệp).

e. Tổ chức không gian sản xuất:

- Không gian sản xuất của xã được bố trí trên tổng thể khu quy hoạch theo đó phần đất nông nghiệp được tổ chức chủ yếu theo dạng tập trung với đa phần là đất trồng lúa và cây hàng năm, phần còn lại chủ yếu là đất trồng cây ăn quả, cây lâu năm phù hợp với định hướng quy hoạch sản xuất của xã.

- Khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp với các mô hình sản xuất, trồng trọt phù hợp với địa hình, thổ nhưỡng. Phát triển các loại hình tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ phục vụ cho nông nghiệp và nhu cầu đời sống xã hội.

5.3. Vị trí quy mô các công trình công cộng dịch vụ xã:

5.3.1 Công trình giáo dục:

Nâng cấp mở rộng từ 02 điểm trường mẫu giáo hiện hữu và giữ nguyên cải tạo 01 trường mẫu giáo hiện hữu và xây thêm 2 trường mẫu giáo với tổng diện tích 0,77 ha.

Cải tạo chỉnh trang 2 trường tiểu học hiện hữu với 5 điểm học.

Cải tạo, mở rộng trường trung học cơ sở hiện hữu và một điểm trường với tổng diện tích 0,70 ha.

Bảng tổng hợp quỹ đất xây dựng công trình giáo dục (xã)

T	Danh mục	Diện tích (ha)	Tên ấp	Ghi chú
1	Trường THCS Tân Hùng			Cải tạo chỉnh trang
	<i>Trường THCS Tân Hùng</i>	7.000,0	<i>Ấp Chợ</i>	Cải tạo chỉnh trang
2	Trường Tiểu Học			Cải tạo chỉnh trang
	+ <i>Trường tiểu học Tân Hùng A</i>	4.328,0	<i>Ấp Nhứt</i>	
	+ <i>Trường tiểu học Tân Hùng A</i>	2.534,0	<i>Ấp Sáu</i>	Cải tạo chỉnh trang
	+ <i>Trường tiểu học Tân Hùng A</i>	1.946,0	<i>Trung Tiến</i>	Cải tạo chỉnh trang
	+ <i>Trường tiểu học Tân Hùng B</i>	939,0	<i>Trà Mềm</i>	Cải tạo chỉnh trang
	+ <i>Trường tiểu học Tân Hùng B</i>	3.362,0	<i>Te Te 1</i>	Cải tạo chỉnh trang
3	Trường Mẫu Giáo			
	+ <i>Trường mẫu giáo Tân Hùng</i>	1.270,6	<i>Ấp Nhứt</i>	Cải tạo chỉnh trang
	+ <i>Trường mẫu giáo Tân Hùng</i>	1.508,9	<i>Ấp Trung Tiến</i>	Mở rộng chỉnh trang
	+ <i>Trường mẫu giáo Tân Hùng</i>	1.507,7	<i>Ấp Trà Mềm</i>	Mở rộng chỉnh trang
	+ <i>Trường mẫu giáo Tân Hùng</i>	1.530,3	<i>Ấp Sáu</i>	Cải tạo chỉnh trang
	+ <i>Trường mẫu giáo</i>	1.566,8	<i>Ấp Te Te 1</i>	Cải tạo chỉnh trang

5.3.2 Công trình y tế:

- Trạm y tế hiện hữu nằm ở vị trí ấp Chợ, với diện tích khoảng 0,21 ha gồm trạm y tế và vườn thuốc (ngoài ra còn 1 phần diện tích đất y tế bố trí trong các điểm dân cư nông thôn).

5.3.3 Công trình trụ sở hành chính - văn hóa:

- Khu trung tâm hành chính xã (trụ sở làm việc HĐND, UBND, ...) tại vị trí ấp Chợ với tổng diện tích khoảng 0,4 ha.

- Nhà văn hóa xã chỉnh trang và mở rộng tại vị trí ấp Chợ đối diện UBND xã hiện hữu với quy mô 0,2 ha.

5.3.4 Các công trình công cộng khác

- Chợ Rạch Lợp hiện hữu tại vị trí ấp Chợ. Cải tạo nâng cấp & mở rộng, có bãi xe, có nơi thu, chứa chất thải rắn trong ngày với quy mô 0,7 ha.

- Bru điện hiện hữu được mở rộng chỉnh trang tại vị trí ấp Chợ với quy mô 0,20 ha.

- Sân thể thao hiện hữu xã nằm ấp Chợ, với quy mô 0,92 ha đáp ứng được nhu cầu phục vụ.

6. Quy hoạch sử dụng đất:

Với diện tích tự nhiên là 2.001, 27 ha, xã Tân Hùng có cơ cấu sử dụng đất đến năm 2030 như sau:

- Đất nông nghiệp: 1.386,05 ha chiếm 69,3% diện tích tự nhiên
- Đất phi nông nghiệp: 615,22 ha chiếm 30,7% diện tích tự nhiên bao gồm:
 - + Đất xây dựng: 497,40 ha chiếm 24.9 % diện tích tự nhiên.
 - + Đất khác: 117,82 ha chiếm 5.6 % diện tích tự nhiên.

Tổng hợp quy hoạch sử dụng đất được thống kê theo bảng sau:

STT	CHỨC NĂNG SỬ DỤNG ĐẤT	DIỆN TÍCH (HA)	
		NĂM 2017	NĂM 2030
1	Đất nông nghiệp	1.771,78	1.386,05
1.1	Đất trồng lúa	1.053,78	809,78
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	24,87	22,87
1.3	Đất trồng cây lâu năm	680,23	540,50
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	12,90	12,90
2	Đất xây dựng	111,67	497,40
2.1	Đất ở nông thôn	50,71	319,74
2.2	Đất công cộng	3,91	9,55
	- Đất xây dựng trụ sở cơ quan	0,60	0,77
	- Đất xây dựng cơ sở y tế	0,25	0,60
	- Đất xây dựng cơ sở giáo dục	2,22	3,08
	- Đất xây dựng cơ sở văn hóa	0,03	0,20
	- Đất sinh hoạt cộng đồng	0,01	0,50
	- Đất chợ	0,63	0,70
	- Đất thương mại dịch vụ	0,00	3,50
	- Bru điện	0,17	0,20
2.3	Đất cây xanh, thể dục, thể thao	0,92	3,00
	- Đất cây xanh	0,00	1,20

	- Sân thể dục thể thao xã	0,92	0,92
	- Sân thể thao ấp	0,00	0,88
2.4	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	5,96	5,96
	- Đất tôn giáo	5,96	5,96
	- Đất tín ngưỡng	0,00	0,00
2.5	Đất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp	6,11	30,00
	- Đất sản xuất phi nông nghiệp	6,11	30,00
	- Đất sản xuất kinh doanh nhỏ lẻ	0,00	0,00
	- Đất cụm công nghiệp	0,00	0,00
2.6	Đất khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng	0,00	0,00
2.7	Đất xây dựng các chức năng khác	0,00	7,00
	- Đất xây dựng trụ sở cơ quan	0,00	0,00
	- Đất xây dựng cơ sở y tế	0,00	0,00
	- Đất xây dựng cơ sở giáo dục	0,00	0,00
	- Đất văn hóa - TDTT	0,00	0,00
	- Thương mại dịch vụ	0,00	7,00
2.8	Đất hạ tầng kỹ thuật	43,82	121,85
	- Đất giao thông	42,97	117,80
	- Đất xử lý chất thải rắn	0,02	0,05
	- Đất nghĩa trang, nghĩa địa	0,83	4,00
	- Đất hạ tầng kỹ thuật khác	0,00	0,00
2.9	Đất hạ tầng phục vụ sản xuất	0,00	0,00
2.10	Đất quốc phòng, an ninh	0,24	0,30
	- Đất an ninh	0,08	0,10
	- Đất quốc phòng	0,16	0,20
3	Đất khác	117,82	117,82
3.1	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	117,82	117,82
3.2	Đất chưa sử dụng	0,00	0,00
TỔNG		2.001,27	2.001,27

7. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

7.1. Giao thông:

- Tuyến Quốc lộ 60 mới xây dựng giảm bớt nhu cầu giao thông trên Quốc lộ 60, rút ngắn kết nối giữa huyện Tiểu Cần và các huyện lân cận, lộ giới 60m.

- Tuyến Quốc lộ 54 kết nối huyện Tiểu Cần định hướng nâng cấp đảm bảo lộ giới từ 42m và Hương lộ 26, 38 lộ giới 27,5m, nâng cấp tối thiểu đạt tiêu chuẩn đường cấp IV đồng bằng.

- Các đường nông thôn có xe cơ giới đi lại tạo cho mạng lưới giao thông thuận lợi hơn, với lộ giới 12-20m, đủ để phục vụ nhu cầu đi lại giữa các khu vực trong xã.

- Các tuyến đường nội đồng không có xe cơ giới qua lại, có lộ giới tối thiểu 6m.

7.2. Về cao độ nền - thoát nước mặt:

❖ Công tác thủy lợi:

- Công tác thủy lợi đi đôi với việc thoát nước mặt cho các khu dân cư. Đối với những khu vực là đất sản xuất nông nghiệp và thủy hải sản thì thoát nước mặt là công tác nạo vét các bờ kênh, mương để tạo điều kiện cho thủy triều lên xuống đều đặn.

- Các bờ kênh, mương tự nhiên sẽ giữ lại làm công tác thủy lợi, thoát nước và cấp nước cho đồng ruộng hay ao hồ nuôi trồng thủy sản. Lượng nước được lưu chuyển sẽ là điều kiện tốt để phát triển nông và ngư nghiệp của địa phương.

- Bên cạnh đó, việc tăng cường và nghiên cứu đào thêm kênh thoát nước sẽ góp phần làm cho hệ thống thủy lợi và thoát nước mặt trở nên thuận lợi hơn.

❖ Về cao độ nền:

- Chọn cao độ xây dựng +2,25m theo định hướng quy hoạch vùng tỉnh Trà Vinh (khu vực thuộc dự án đê bao Măng Thít).

- Việc tôn nền các điểm dân cư phải đảm bảo không bị ngập lụt, ú đọng, nước mặt phải được thoát hết ra kênh rạch, sông hồ...

❖ Về thoát nước mưa:

- Hướng thoát: về phía các kênh rạch hiện hữu giữ lại cho thoát nước theo hướng ngắn nhất.

- Hệ thống mương, cống thoát nước được bố trí dọc các trục đường chính.

- Một số tuyến kênh đề nghị được mở rộng và đào thêm để thuận lợi cho công tác tiêu nước.

7.3. Về hệ thống cấp nước:

❖ Chỉ tiêu cấp nước:

- Khu vực nông thôn: 80 (lít/người.ngđ)

- Tiêu chuẩn cấp nước công trình công cộng, thương mại dịch vụ lấy trung bình 10% tổng lưu lượng nước cấp sinh hoạt.

- Thất thoát rò rỉ lấy bằng 10-15% tổng lưu lượng nước cấp.

- Hệ số dùng nước ngày lớn nhất lấy bằng 1,2.

❖ **Định hướng hệ thống cấp nước:**

- Nguồn nước: tiếp tục sử dụng các trạm cấp nước hiện hữu 10m³/h phục vụ sinh hoạt cho hiện tại và giai đoạn dài hạn vì công suất đảm bảo nhu cầu dùng nước. Các hộ dân rải rác còn lại dùng giếng khoan tự túc. Nâng tỷ lệ hộ dùng nước sinh hoạt hợp vệ sinh lên 85%.

- Mạng lưới cấp nước: xây dựng mạng lưới đường ống bằng nhựa uPVC theo các tuyến giao thông chính.

7.4. Phát triển hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

❖ **Chỉ tiêu:**

- Chỉ tiêu thoát nước thải sinh hoạt: 80% lượng nước cấp sinh hoạt.
- Chỉ tiêu rác thải sinh hoạt: 0,8kg/người.ngày.đêm.
- Hệ số thoát nước ngày lớn nhất lấy bằng 1,2.

❖ **Định hướng hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường:**

- Thoát nước thải: Nước thải trước khi thoát ra mạng lưới thoát nước chung phải được xử lý bằng hầm tự hoại 3 ngăn, đạt tiêu chuẩn cho phép thoát ra môi trường. Tại khu vực trung tâm xã, khuyến khích xây dựng bể xử lý nước thải cục bộ tùy theo năng lực tài chính của địa phương. Bể xử lý nước thải thu gom lượng nước đáy tại giếng tách dòng cuối tuyến công chung.

- Chất thải rắn: bố trí 1 điểm trung chuyển chất thải rắn với diện tích khoảng 0,4÷5ha. Chất thải rắn sau khi phân loại tại điểm trung chuyển sẽ được đưa về khu liên hợp xử lý chất thải rắn tại huyện Châu Thành.

- Nghĩa trang: Nghĩa trang nhân dân đã có tại ấp Trà Mềm diện tích khoảng 0,5ha.

7.5. Về cấp điện:

Chỉ tiêu cấp điện:

- Phụ tải tiêu dùng dân cư: 1000-1600kWh/hộ/năm.
- Công trình công cộng: 20% phụ tải điện sinh hoạt.
- Điện sản xuất: 20% phụ tải điện sinh hoạt.
- Chiếu sáng giao thông: 10kW/ha.
- Phần trăm tổn thất: 5%.

❖ **Định hướng cấp điện**

- Nguồn điện: Sử dụng nguồn điện từ trạm biến áp 110/22kV 2x40MVA Tiểu Cần được xây dựng mới, thuộc giai đoạn 2021-2025. Giai đoạn 1 lắp máy 1x40MVA, giai đoạn 2 lắp máy 2x40MVA ấp Xóm Vó, tại xã Phú Cần (cung cấp nguồn điện cho toàn huyện).

- Mạng lưới điện trung thế 22kV: Mạng lưới đầu vào dây trung thế sử dụng dây nhôm lõi thép đi trên trụ bê tông ly tâm cao 14m, tại ngõ ra hoặc băng qua trục đường đi ngầm. Tuyến trung thế cấp điện cho khu dân cư là đường dây trên không. Từ đây, phải đặt các trạm hạ thế tập trung, điện áp 22/0,4KV để cung cấp điện cho các hộ tiêu thụ.

7.6. Về hệ thống thông tin liên lạc:

❖ Dự báo nhu cầu:

- Điện thoại cố định: 3 máy/100 dân.

- Di động: 134 máy/100 dân.

❖ Nguồn cấp: Bưu cục huyện là trung tâm đầu mối cho các các điểm phục vụ khác, cung cấp đầy đủ các dịch vụ bưu chính, viễn thông và dịch vụ công ích cho công đồng.

8. Đánh giá môi trường chiến lược:

- Bảo vệ chất lượng nước mặt trên địa bàn khu quy hoạch và khu vực xung quanh.

- Bảo vệ môi trường không khí, cụ thể: Hàm lượng các chất độc hại trong không khí ở khu hành chính - công cộng đạt QCVN 05: 2013/BTNMT.

- Giảm thiểu ô nhiễm do chất thải rắn, cụ thể: Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn là 100% và vận chuyển về khu liên hợp xử lý chất thải rắn tại huyện Châu Thành.

- Giảm thiểu ô nhiễm do nước thải sinh hoạt phát sinh, cụ thể: Tỷ lệ thu gom và xử lý nước thải là trên 70%. Nước thải sau khi thu gom được dẫn về bể xử lý nước thải cục bộ.

- Đảm bảo diện tích đất cây xanh và đáp ứng tiện nghi môi trường.

- Tỷ lệ dân số được cấp nước sạch là 100%.

❖ *Các giải pháp giảm thiểu, khắc phục tác động đối với dân cư, cảnh quan thiên nhiên; không khí, tiếng ồn khi triển khai thực hiện quy hoạch đô thị:*

- Các giải pháp quy hoạch xây dựng nhằm giảm thiểu và khắc phục các tác động và diễn biến môi trường đã được nhận diện: Quy hoạch hợp lý các hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hoạch định cao độ nền thích hợp phòng chống ngập lụt, thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Các giải pháp kỹ thuật để kiểm soát ô nhiễm, phòng tránh, giảm nhẹ thiên tai hay ứng phó sự cố môi trường, kiểm soát các tác động môi trường: Giảm thiểu ô nhiễm không khí, ô nhiễm từ chất thải rắn, kiểm soát ô nhiễm nước thải. Xây dựng kế hoạch quản lý và giám sát chất lượng môi trường, cụ thể 2 lần trong năm.

9. Danh mục các dự án ưu tiên theo phân kỳ kế hoạch:

- Danh mục được đầu tư được thực hiện theo đề án nông thôn mới.
- Hiện nay trên địa bàn xã chưa có nhà văn hóa, trong kỳ quy hoạch cần đề xuất đầu tư xây dựng nhà văn hóa.

10. Quy định quản lý theo quy hoạch:

Ủy ban nhân dân xã có trách nhiệm lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu trung tâm xã và trình quy định quản lý xây dựng theo quy hoạch, làm cơ sở cho việc công khai và quản lý đầu tư xây dựng trên địa bàn xã trong kỳ quy hoạch.

11. Tiến độ giải pháp tổ chức thực hiện đồ án quy hoạch xây dựng:

- Ủy ban nhân dân xã tập trung phát huy nội lực của cộng đồng địa phương để xây dựng mô hình nông thôn mới, theo phương châm nhà nước hỗ trợ một phần để phát huy sự đóng góp của cộng đồng, phát huy tinh thần tự quản nhằm duy trì chất lượng lâu dài và ổn định cho các công trình được đầu tư theo quy hoạch.

- Quy hoạch tạo hành lang pháp lý và định hướng cho việc đầu tư thực hiện các mô hình sản xuất, mô hình dân cư. Tuy nhiên, việc đầu tư phải do chính người dân tự đề xuất và thiết kế trên cơ sở bàn bạc dân chủ, công khai và quyết định thông qua cộng đồng.

Điều 2: Trên cơ sở nội dung Đồ án quy hoạch được duyệt, UBND xã Tân Hùng phối hợp với các phòng, ban ngành liên quan công bố rộng rãi để các tổ chức, cá nhân trong khu vực biết, kiểm tra và thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện, Trưởng Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện, Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Tân Hùng và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Sở Xây dựng tỉnh;
- Sở NN&PTNT tỉnh;
- TT.HU, TT.HĐND huyện;
- CT, các PCT.UBND huyện;
- Như điều 3;
- LĐVP, NCCN, NCKT;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Trần Hoàng Khải